| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VỊ THANH**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 02 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Xuân Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Lý Thị Thu Thúy.

Bà Phạm Kim Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 11 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp M, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Bùi Thị Mỹ K, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: ấp M, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày*: Ông và bà K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc, bà K và con về nhà cha mẹ ruột ở. Ông đã cố hàn gắn nhưng không được. Ông bà đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn với bà Bùi Thị Mỹ K.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung là Trần Triệu P (giới tính: Nam) sinh ngày 06/9/2007. Ông đồng ý cho bà K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Bùi Thị Mỹ K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến, tuy nhiên, ông đề nghị Tòa án không ghi nhận việc cấp dưỡng nuôi con chung trong bản án mà ông sẽ tự thực hiện nghĩa vụ của mình; bà Bùi Thị Mỹ K vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Bùi Thị Mỹ K, đồng ý cho bà Bùi Thị Mỹ K được quyền nuôi con chung nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Bùi Thị Mỹ K cư trú tại ấp Mỹ 1, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Bùi Thị Mỹ K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị Mỹ K.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Bùi Thị Mỹ K đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2006. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà K là hợp pháp. Ông T yêu cầu ly hôn với bà K là do vợ chồng bất đồng ý kiến và quan điểm sống, đã ly thân hơn 03 năm nên cuộc sống không còn hạnh phúc. Vì vậy, ông T cương quyết xin ly hôn. Trong khi đó, bà K bỏ mặc, không đến Tòa án để trình bày ý kiến. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa ông T và bà K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của ông T, cho ông T ly hôn với bà K là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, ông T và bà K có 01 con chung là Trần Triệu P (giới tính: Nam) sinh ngày 06/9/2007. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Triệu P có nguyện vọng được sống chung với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông T cũng đồng ý cho bà K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Phú cho bà K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu P và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng: Do bà Bùi Thị Mỹ K chưa có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có và cũng không yêu cầu, bà K chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T được ly hôn với bà Bùi Thị Mỹ K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Triệu P (giới tính: Nam) sinh ngày 06/9/2007 cho bà Bùi Thị Mỹ K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Bùi Thị Mỹ K chưa có yêu cầu. Ông Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Văn T đã nộp theo biên lai số 0001123 ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, ông Trần Văn T không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Xuân Tình**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Thu Thúy** **Phạm Kim Ngọc** **Huỳnh Xuân Tình**